

Bản án số: 51/2021/HN-ST

Ngày: 09-6-2021

*“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình
về ly hôn, nuôi con chung”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Lệ Hồng – Cán bộ hưu trí (Nguyên Giám đốc Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre).
2. Ông Ngô Văn Bình – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 43/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 về: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2021/QĐXX-ST ngày 27 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn C, sinh năm 1994 (tên gọi khác: K); Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị Bé T, sinh năm 1996; Địa chỉ cư trú: ấp P, xã A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Anh C có mặt. Chị T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 17/02/2021, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, anh Lê Văn C trình bày:

1. Về hôn nhân: Anh xin ly hôn với chị Lê Thị Bé T. Lý do: Anh và chị Lê Thị Bé T do quen biết nhau trước mới tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Mỏ Cày Bắc cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 21/5/2019. Sau đó vợ chồng về bên anh sinh sống, trong quá trình sống chung có hạnh phúc. Tuy nhiên, do quá trình sống chung chị T có mâu thuẫn với cha mẹ chồng, về bên gia đình chị sinh sống. Anh có đi về bên chị T ở khoảng

1.5 năm. Anh và ba mẹ của anh có đề nghị chị T về bên gia đình anh sinh sống nhưng chị T không đồng ý mà ở lại bên mẹ ruột để lo cho con của chị T với người chồng trước. Vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 10/2020 cho đến nay. Nay anh thấy không thể khắc phục được nên quyết định ly hôn.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Khánh N, sinh ngày 22/10/2019 hiện đang sống với anh. Khi ly hôn, anh xin trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

- Bị đơn chị Lê Thị Bé T vắng mặt theo giấy triệu tập nhưng có lời trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/5/2021:

1. Về hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh Lê Văn C. Vợ chồng chị do quen biết trước 01 năm mới tự nguyện tiến đến hôn nhân nhưng không có làm lễ cưới mà chỉ tổ chức ra mắt 02 bên gia đình vì mẹ chồng chị cho rằng không được tuổi và do chị đang mang thai. Sau khi cưới, vợ chồng sống bên gia đình anh C được khoảng 07 đến 08 tháng, đến tháng 7/2020 âm lịch, chị về sống bên mẹ ruột cho đến nay. Lý do, mẹ chồng của chị gọi điện thoại nặng lời với chị nên chị cảm thấy bị xúc phạm. Anh C có đề nghị chị về nhưng chị không về, hai bên gia đình có hàn gắn nhưng không thành.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Khánh N, sinh ngày 22/10/2019 hiện đang sống với anh C. Khi ly hôn, anh C xin trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con thì chị đồng ý.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

Do chị bận đi làm nên chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành tốt sự triệu tập của Tòa, bị đơn vắng mặt, có đơn xin vắng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Văn C; Con chung: Lê Khánh N, sinh ngày 22/10/2019 do anh C trực tiếp nuôi, ghi nhận anh C không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung của vợ chồng: không yêu cầu; Nợ chung của vợ chồng: Không có, không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của anh Lê Văn C, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, về con chung*”; Trong đó xác định anh Lê Văn C là nguyên đơn, chị Lê Thị Bé T là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc vắng mặt của chị Lê Thị Bé T có đơn xin vắng vì bận công việc nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị T là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Văn C, thấy rằng:

Anh C cho rằng quá trình sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, có thời gian dài không sống chung nên quyết định ly hôn. Chị T cũng đồng ý ly hôn.

Khi thực hiện xác minh, bà Phan Thị D là mẹ của anh C cho biết thông tin: Hôn nhân của anh C, chị T có làm lễ nhỏ ra mắt ông bà do chị T mang thai trước. Sau đó, vợ chồng sống bên gia đình bà khoảng 04 tháng thì chị T về bên mẹ ruột sinh con. Anh C cũng về bên vợ ở để chăm sóc vợ, con, gia đình bà cũng đồng ý. Đến khi con đủ 01 tuổi, gia đình bà kêu vợ chồng anh C về để lo cho cha mẹ, gia đình nhưng chị T không đồng ý và hứa hẹn nhiều lần không thực hiện được. Sau đó, anh C về bên gia đình bà sinh sống và đem theo con cùng về nhưng chị T không chịu nên rút con về nuôi, được khoảng 03 tháng thì chị T giao con lại cho anh C trực tiếp nuôi cho đến nay, không lên tham hay chăm sóc. Anh C hiện nay có công việc làm thuê, đủ lo cho con. Theo bà, mâu thuẫn giữa chị T và anh C không thể hàn gắn được, hiện tại gia đình bà cũng không đồng ý để chị T quay về vì chị T có lời lẽ xúc phạm gia đình bên bà.

Khi thực hiện xác minh, bà Đoàn Thị B là mẹ của chị T cho biết thông tin: Bà nhận thấy hôn nhân giữa chị T và anh C là không thể hàn gắn được. Do chị T và anh C gây cãi việc anh C kêu chị T về làm dâu nhưng chị T không đồng ý do chị T đang nuôi con riêng còn nhỏ, cần người chăm sóc. Gia đình bà thuộc hộ nghèo tại địa phương, hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Thấy rằng, mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh C và chị T là có thật, đã xảy ra trong thời gian dài nhưng không có biện pháp để khắc phục; nền tảng hôn nhân của vợ chồng không vững chắc, không tìm được tiếng nói chung; trong thời gian hôn nhân lại phát sinh nhiều mâu thuẫn giữa chị T và gia đình anh C nhưng không có biện pháp hàn gắn; hoàn cảnh gia đình hai bên đều có khó khăn, không có giải pháp tháo gỡ... từ đó vợ chồng không có hạnh phúc. Nay anh C xin ly hôn. Chị T cũng đồng ý. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ là không thể, mục đích hôn nhân đã không đạt được. Nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh C và chị T theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

2. Về con chung: Lê Khánh N, sinh ngày 22/10/2019, hiện đang sống chung với anh C. Khi ly hôn, anh C yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Chị T đồng ý.

Xét thấy, con chung chưa đủ 36 tháng tuổi, nhưng do con đang sống chung với anh C, chị T cũng đồng ý để con cho anh C trực tiếp nuôi. Để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của con, đặc biệt là không làm xáo trộn cuộc sống của con nên để anh C trực tiếp nuôi con là phù hợp. Anh C không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Anh C và chị T không yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Anh C và chị T trình bày không có, không giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

An phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn, anh C chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Văn C.

Cụ thể tuyên:

1. Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn C với chị Lê Thị Bé T.

2. Về con chung: Lê Khánh N, sinh ngày 22/10/2019 do anh Lê Văn C trực tiếp nuôi. Ghi nhận anh Lê Văn C không yêu cầu chị Lê Thị Bé T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Anh Lê Văn C và chị Lê Thị Bé T không yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Anh Lê Văn C và chị Lê Thị Bé T trình bày không có, không giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch: Đối với yêu cầu ly hôn: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), anh Lê Văn C phải chịu. Được khấu trừ theo Biên lai

thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005892 ngày 17 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thúy Hằng